Phụ lục 1 1

DANH SÁCH XÓA NỢ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN BỊ RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN ĐỢT 3 NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 19/11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chương trình; xã, phường; Họ và tên	Địa chỉ (Xã, phường)	Mã món vay	Ngày vay	Số nợ được xóa			Ghi chú
					Số tiền	Trong đó		
						Gốc	Lãi	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
	Cho vay giải quyết việc làm				**54.807.672**	**50.000.000**	**4.807.672**	
	PGD Trà Bồng							
1	Nguyễn Tấn Hùng	Trà Bồng	6600000730180490	21/01/2025	54.807.672	50.000.000	4.807.672	
Tổng cộng					**54.807.672**	**50.000.000**	**4.807.672**	

Phụ lục 2

DANH SÁCH KHOANH NỢ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY VỐN BỊ RỦI RO DO NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN ĐỢT 3/2026

(Kèm theo Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 19/11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chương trình; Huyện, thị xã; Họ và tên	Địa chỉ (Xã, phường)	Mã món vay	Mức độ thiệt hại (%)	Số nợ được khoanh			Thời gian khoanh nợ (tháng)
					Số tiền	Trong đó		
						Gốc	Lãi	
1	*2*	*3*	*4*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
	Khoanh nợ tối đa 3 năm				**14.793.022**	**14.000.000**	**793.022**	
A	**Khoanh nợ lần đầu**				**14.793.022**	**14.000.000**	**793.022**	
I	**Cho vay ưu đãi hộ nghèo**				**14.793.022**	**14.000.000**	**793.022**	
	PGD Tu Mơ Rông				**14.793.022**	**14.000.000**	**793.022**	
1	Y Liên	Xã Măng Ri	6600000718748719		14.793.022	14.000.000	793.022	36
II	**Cho vay giải quyết việc làm**							
	Hội sở CN Quảng Ngãi				**29.996.319**	**28.000.000**	**1.996.319**	
1	Nguyễn Hữu Sơn	Phường Trương Quang	6600000726152956		29.996.319	28.000.000	1.996.319	36
Tổng cộng					**44.789.341**	**42.000.000**	**2.789.341**	